TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Khắc Sáng, ông Nguyễn Xuân Bính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên toà: Ông Lê Thuần Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; Sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh H; Có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Hữu D; Sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh H; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Trần Thị T) yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu D do không còn tình cảm, không cùng ý thức xây dựng cuộc sống chung và nhiều lần bị anh D đánh đập, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 19/11/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn đến khi con thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Huy thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn (anh Nguyễn Hữu D) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại buổi làm việc ngày 18/4/2019, anh D trình bày vợ chồng chung sống không được ngày nào hạnh phúc, lúc yêu thì chị T nhẹ nhàng, ngọt nhạt, đến khi cưới về thì lộ bản chất giả dối, trở tính. Anh D cũng cho rằng chị T không coi ai trong gia đình chồng ra gì, đi đâu không báo cáo, về nhà không chào hỏi bố mẹ chồng, không chăm lo cho chồng, bỏ mặc chồng, không quan tâm từ ăn uống đến quần áo. Anh D cũng trình bày tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng ly thân, không quan hệ sinh lý từ năm 2017 cho đến nay. Anh D thừa nhận không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Về việc đánh đập chị T, anh D cho rằng anh không thường xuyên đánh đập như chị T trình bày mà chỉ khi nóng nảy, mất kiểm soát do chị T chửi bới, động đến cha mẹ thì anh D mới tát chị T. Anh D thừa nhận có tát vợ nhưng vợ cũng có cấu xé lại nhưng không có hậu quả gì nghiêm trọng. Anh D thừa nhận tình trạng vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi. Khi yêu và mới cưới thì chị T cư xử phù hợp nhưng sau khi sinh được đứa con thì chị T có nhiều cư xử không phù hợp, không tôn trọng chồng và bố mẹ chồng. Tại buổi làm việc ngày 29/7/2019, anh D thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn nữa.

- Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 19/11/2017. Nếu phải ly hôn thì anh D có nguyện vọng được nuôi con vì anh D có chỗ ở, thu nhập và được ông bà nội hỗ trợ chăm sóc con. Anh D cũng cho rằng cháu Huy đang tập uống sữa ngoài, bú mẹ giảm dần, nếu không có mẹ thì cháu vẫn uống sữa ngoài và ngoan ngoãn. Anh D cho rằng chị T không đủ điều kiện để nuôi con vì không có nghề nghiệp và chỗ ở đảm bảo để nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được quyền nuôi con thì anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị T được quyền nuôi con thì anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thu thập thông tin từ bố của bị đơn (ông Nguyễn Hữu Thuận) và mẹ của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Lý). Ông Thuận cho biết vợ chồng Thủy và Duẩn sống chung với vợ chồng ông từ năm 2017 cho đến tháng 5/2019. Hiện nay Thủy và Duẩn đã ở riêng nhưng cũng gần nhà ông Thuận. Đất và nhà mà Thủy và Duẩn đang sống là của vợ chồng ông Thuận cho hai đứa sống nhờ chứ không chuyển quyền sở hữu. Ông Thuận thừa nhận Thủy và Duẩn có xích mích, mâu thuẫn trong cuộc sống chung. Duẩn nóng nảy còn Thủy không khéo léo trong lời ăn tiếng nói nên vợ chồng lục đục, cãi cọ, có xảy ra đánh nhau nhưng chỉ ở mức tát vài tát chứ không gây ra hậu quả gì nặng nề. Thủy đã 01 lần bỏ về nhà ngoại. Nếu Thủy và Duẩn ly hôn thì ông Thuận đề nghị được chăm sóc cháu Nguyễn Gia Huy, không yêu cầu đóng góp tiền nong. Bà Lý cho biết: Thủy nhiều lần tâm sự với mẹ về việc bị Duẩn đánh đập vô cớ, hay đi chơi bài bạc, rượu chè, không quan

tâm gia đình. Bà thấy con gái mình sống không hạnh phúc. Nếu Thủy ly hôn thì bà sẽ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở, công việc và cả chăm sóc cháu. Bản thân bà hiện nay ở một mình, đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để hỗ trợ Thủy. Bà Lý cũng xuất trình giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp chứng minh về chỗ ở và điều kiện canh tác.

Ủy ban nhân dân xã S cung cấp thông tin như sau: Anh Nguyễn Hữu D và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Lộc, sau đó cư trú tại thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh H, đều làm ruộng, quá trình sinh sống tại địa phương chưa bị chính quyền địa phương nhắc nhở gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng chưa qua hòa giải tại địa phương vì không bên nào yêu cầu hòa giải. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn hai lần vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu D; giao cháu Nguyễn Gia Huy cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên; buộc anh Nguyễn Hữu D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án đến khi con thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng; Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Hữu D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Nguyễn Hữu D có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã S, huyện C, tỉnh H. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 19/8/2019, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 06/9/2019. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Hữu D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là hôn nhân hợp pháp. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong giai đoạn xét xử, Tòa án đã tích cực khuyên giải, động viên các bên nhìn nhận vào điểm tốt của nhau để tìm phương án xây dựng cuộc sống chung nhưng không có kết quả. Thực tế cuộc sống chung của chị T và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tuy sống chung nhà nhưng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh D và chị T đều thừa nhận vợ chồng không còn quan hệ sinh lý từ năm 2017. Chị T kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh D, không thể có phương án củng cố cuộc sống chung. Như vậy đã đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

[3] Về con chung của vợ chồng:

Chị T và anh D không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh D đều có đủ điều kiện để nuôi con nhưng hiện nay cháu Nguyễn Gia Huy chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị T và anh D không thống nhất được vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nếu chị T được quyền nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia Huy một tháng một triệu đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày tuyên án đến khi cháu Huy thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Hữu D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu D.

2. Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 19/11/2017 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Gia Huy thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Huy được sống chung với chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T và các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hữu D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Buộc anh Nguyễn Hữu D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 19/11/2017 một tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/9/2019) đến khi cháu Huy thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Kể từ ngày tuyên án và ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nói trên thì anh D còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004442 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Chị T phải nộp tiếp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm còn thiếu tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can Lộc. Anh Nguyễn Hữu D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Can Lộc.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã T; xã S;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thanh